

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 20-6-2022
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Loan

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tố N - sinh năm 1995

Nơi cư trú: thôn V, xã P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A - sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tố N trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoàng A kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã S. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà và ông A đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2021. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông A nữa nên yêu cầu ly hôn với ông A.

Con chung: Bà và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Anh T, sinh ngày 21/4/2015, bà xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Ông Nguyễn Hoàng A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Hoàng A kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã S, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 25/5/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà và ông A đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2021. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông A vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông A không có thiện chí hàn gắn với bà N. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông A và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà N. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét thấy nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tố N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông A đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Hoàng A kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã S, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 25/5/2015. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N yêu cầu ly hôn vì cho rằng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà và ông A đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2021.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông A vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông A không có thiện chí hàn gắn với bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy ông A và bà N đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa ông A và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

- Về con chung: Bà N và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Anh T, sinh ngày 21/4/2015, bà N xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy ông A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến của ông A về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tố N

- Bà Huỳnh Thị Tố Như được ly hôn ông Nguyễn Hoàng A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh Anh T, sinh ngày 21/4/2015 cho bà Huỳnh Thị Tố N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, ông A và bà N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004504 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N
- UBND xã S
(GCNKH 24/25.5.2015);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương